

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2025
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Khoa Nam

Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị L, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 10, phường P, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 10, phường P, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày:

Chị L và anh T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2008. Đến ngày 15/10/2010, hai bên tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Bình Tân, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53/2010. Trong thời gian chung sống, chị L và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng về công việc phát triển kinh tế gia đình. Giữa năm 2024, chị L và anh T xảy ra tranh cãi lớn và anh T đã bỏ đi, để lại các con cho chị L nuôi dưỡng và có gửi tiền về phụ nuôi các con được 10.000.000 đồng. Gia đình nội ngoại cũng như chị L đã nhiều lần liên hệ với anh T về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái, phát triển kinh tế gia đình nhưng anh T không chịu và còn giấu địa chỉ nên chị L không biết hiện anh T đang ở đâu. Chị L cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên nộp đơn khởi kiện xin ly

hôn và đã thông báo cho anh T biết nhưng anh T nói chị L tự đơn phương giải quyết. Do đó, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị L và anh T có ba con chung là Nguyễn Mạnh T1 - sinh ngày 27/6/2009, Nguyễn Tường Ph - sinh ngày 01/01/2012 và Nguyễn Quỳnh Tr - sinh ngày 29/6/2018. Từ khi vợ chồng không còn sống chung đến nay, con chung do chị L trực tiếp nuôi dưỡng nên chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Bùi Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết về con chung với bị đơn Nguyễn Minh T, bị đơn cư trú tại địa phận phường P, tỉnh Đồng Nai nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Bình Tân, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 15/10/2010, do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn cũng như tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, xét thấy trong quá trình chung sống giữa chị L và anh T có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng về công việc, kinh tế trong gia đình và từ mâu thuẫn đó vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2024 cho đến nay. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ly hôn, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với chị L. Do đó, Hội đồng xét xử xét

thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[4] Về con chung: Chị L và anh T có ba con chung là Nguyễn Mạnh T1 - sinh ngày 27/6/2009, Nguyễn Tường Ph, sinh ngày 01/01/2012 và Nguyễn Quỳnh Tr, sinh ngày 29/6/2018. Từ năm 2024 đến nay, con chung đều do chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, vẫn đảm bảo Ph triển mọi mặt và các quyền lợi hợp pháp của con chưa thành niên, đồng thời các cháu đều có nguyện vọng được ở với chị L nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị L ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung:

Giao các cháu Nguyễn Mạnh T1 - sinh ngày 27/6/2009, Nguyễn Tường Ph - sinh ngày 01/01/2012 và Nguyễn Quỳnh Tr - sinh ngày 29/6/2018 cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003502 ngày 31 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 11 – Đồng Nai
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Bình Tân, tỉnh Đồng Nai (Số 55, ngày 15/10/2010);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án (10).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Bích Vân